

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 02-7-2024

“V/v: Xin ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Bình

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Luân

Bà Trần Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khắc Duy - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024 về việc “Xin ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Biện Thị Kim T**, sinh năm: 1995. Địa chỉ: **Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.**

- Bị đơn: Anh **Trần Minh D**, sinh năm: 1988. Địa chỉ: **Thôn S, xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.**

(Chị **T**, anh **D** vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị **Biện Thị Kim T** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2014 chị với anh **Trần Minh D** về chung sống với nhau, xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và đăng ký kết hôn với nhau năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống và làm việc tại thôn S, xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng cuộc sống vợ chồng diễn ra hòa thuận, hạnh phúc, cuộc sống có xảy ra mâu thuẫn nhưng vẫn giải quyết được. Tuy nhiên từ cuối năm 2021 đến nay thì hai vợ chồng bắt đầu xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, bất hòa, cãi nhau thường xuyên, vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung, khoảng cách giữa hai vợ chồng ngày càng nhiều. Nguyên nhân do là anh **D** không chăm lo làm ăn kinh tế, thường xuyên chơi bời; mặc dù, hai vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng đều không được và hai vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2021 đến nay.

Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể cứu vãn được, chị **Biện Thị Kim T** xác định không còn tình cảm với anh **Trần Minh D** nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Trần Minh D**.

Về con chung: Chị **Biện Thị Kim T** xác định quá trình chung sống hai người có với nhau 02 con chung tên là **Trần Nhã P**, sinh ngày 31-10-2015 và **Trần Hạ V**, sinh ngày 26-6-2020. Khi ly hôn, chị **T** yêu cầu giao cả 02 con chung tên là **Trần Nhã P** và **Trần Hạ V** cho anh **Trần Minh D** được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị **Biện Thị Kim T** xác định hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị **Biện Thị Kim T** xác định không có nợ chung, cũng như không ai nợ vợ chồng anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại văn bản trình bày ý kiến bị đơn anh **Trần Minh D** trình bày:* Anh và chị **Biện Thị Kim T** về sống chung với nhau, xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu vào năm 2014 và đến năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **N**, huyện **L**, tỉnh **Lâm Đồng**. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc; đến khoảng cuối năm 2021 thì hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau và chị **Biện Thị Kim T** tự bỏ đi nên hai vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay việc ai người đó làm, không ai quan tâm ai.

Nay chị **Biện Thị Kim T** nộp đơn xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị **T** vì anh cho rằng vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị **Biện Thị Kim T** xác định có với nhau 02 người con chung tên là **Trần Nhã P**, sinh ngày 31-10-2015 và **Trần Hạ V**, sinh ngày 26-6-2020. Khi ly hôn, anh đồng ý trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung tên là **Trần Nhã P** và **Trần Hạ V**. Anh không yêu cầu chị **Biện Thị Kim T** phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; nếu có tranh chấp được giải quyết bằng vụ việc khác theo thủ tục chung.

Về nợ chung: Anh **Trần Minh D** xác định không có nợ chung, cũng như không ai nợ vợ chồng anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tiến hành tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng không ước định ra xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Biện Thị Kim T** đối với anh **Trần Minh D** theo quy định của Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung tên là **Trần Nhã P**, sinh ngày 31-10-2015 và **Trần Hạ V**, sinh ngày 26-6-2020 cho anh **Trần Minh D** được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị **Biện Thị Kim T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị **Biện Thị Kim T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị **Biện Thị Kim T** và anh **Trần Minh D** ước Tiến hành tập họp; tuy nhiên vắng mặt tại phiên Tiến hành và đề nghị xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề tiến hành xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung 1 phiên họp.

Nguyên đơn chị **Biện Thị Kim T** khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh **Trần Minh D**. Anh **Trần Minh D** cư trú, sinh sống và làm ăn tại địa chỉ: **Thôn S, xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng**.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Chị **Biện Thị Kim T** và anh **Trần Minh D** xây dựng gia đình vào năm 2014, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn với nhau năm 2015 tại **UBND xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng** nên quan hệ hôn nhân giữa chị **Biện Thị Kim T** và anh **Trần Minh D** là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu của các đương sự.

[3.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị **Biện Thị Kim T**, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị **Biện Thị Kim T** và anh **Trần Minh D** trong thời gian chung sống từ năm 2014, đến cuối năm 2021 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung, khoảng cách giữa vợ chồng ngày càng nhiều. Theo chị **T** cho rằng nguyên nhân do là anh **Trần Minh D** không chăm lo làm ăn kinh tế, thường xuyên chơi bời; mặc dù hai vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng đều không được và hai vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2021 đến nay.

Xét thấy, thời gian mâu thuẫn, hai vợ chồng không ai quan tâm nhau, không cùng xây dựng hạnh phúc gia đình; cuộc sống, công việc tự ai người đó sống, không ai quan tâm, lo lắng cho ai. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị **Biện Thị Kim T** nộp đơn ly hôn tại Tòa án là có cơ sở xem xét.

[3.2] Đối anh **Trần Minh D** thì tại văn bản trình bày ý kiến thì anh **Trần Minh D** cũng khẳng định hai vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không tìm được giải pháp để khắc phục tình trạng trên, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị **Biện Thị Kim T** nộp đơn xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị **T**.

[3.3] Căn cứ vào các biên bản xác minh tại nơi cư trú của chị **Biện Thị Kim T** và anh **Trần Minh D** sinh sống thì thấy rằng, chị **T** và anh **D** sống với nhau từ năm 2014; từ cuối năm 2021 đến nay hai vợ chồng không sống chung với nhau nữa mà hai người sống ly thân; hai người không tìm được giải pháp khắc phục để hoà giải hàn gắn tình cảm, chị **T** đã bỏ về nhà bố mẹ để ở tỉnh Phú Yên sinh sống và làm việc. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tạo điều kiện để chị **Biện Thị Kim T** và anh **Trần Minh D** được hòa giải đoàn tụ nhưng cũng không được.

Đồng thời chị **Biện Thị Kim T** và anh **Trần Minh D** cùng xác định không còn tình cảm vợ chồng với nhau và cương quyết xin ly hôn; từ đó thấy rằng hôn nhân giữa chị **Biện Thị Kim T** và anh **Trần Minh D** đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Biện Thị Kim T** là có căn cứ.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống chị **Biện Thị Kim T** và anh **Trần Minh D** xác định có với nhau 02 người con chung tên là **Trần Nhã P**, sinh ngày

31-10-2015 và Trần Hạ V, sinh ngày 26-6-2020. Khi ly hôn, chị Biện Thị Kim T và anh Trần Minh D thỏa thuận thống nhất giao hai con chung tên là Trần Nhã P và Trần Hạ V cho anh Trần Minh D được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo nguyện vọng của con. Chị Biện Thị Kim T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, việc thỏa thuận giao con chung của chị Biện Thị Kim T và anh Trần Minh D là phù hợp đúng với quy định của pháp luật nên cần ghi nhận.

Sau khi ly hôn thì chị Biện Thị Kim T và anh Trần Minh D có quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Chị Biện Thị Kim T và anh Trần Minh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ việc khác theo thủ tục chung.

[6] Về nợ chung: Chị Biện Thị Kim T và anh Trần Minh D xác định không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Biện Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Biện Thị Kim T. Cho chị Biện Thị Kim T được ly hôn với anh Trần Minh D.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên là Trần Nhã P, sinh ngày 31-10-2015 và Trần Hạ V, sinh ngày 26-6-2020 cho anh Trần Minh D được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo nguyện vọng của con. Chị Biện Thị Kim T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị **Biện Thị Kim T** phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị **Biện Thị Kim T** đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004758 ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA tỉnh;
- Tòa dân sự tỉnh;
- VKS nhân dân huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS h. Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu án văn, HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Bình

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Bình

